

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3131/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp
được chuẩn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2015;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp tại Tờ trình số 923/TTr-BQL ngày 03 tháng 4 năm 2017, Tờ trình số 944/TTr-BQL ngày 04 tháng 4 năm 2017, Tờ trình số 1149/TTr-BQL ngày 19 tháng 4 năm 2017 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 4548/TTr-STP ngày 25 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 32 thủ tục hành chính trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa, lĩnh vực thương mại quốc tế, lĩnh vực xây dựng, lĩnh vực môi trường, lĩnh vực lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp được chuẩn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các thủ tục hành chính trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa, lĩnh vực thương mại quốc tế, lĩnh vực xây dựng, lĩnh vực môi trường, lĩnh vực lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố trước đây.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3131/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|--|--|
| I. Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước | |
| 1 | Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu. |
| 2 | Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu. |
| 3 | Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy). |
| 4 | Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu. |
| 5 | Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy). |
| 6 | Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu. |
| 7 | Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. |
| 8 | Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. |
| 9 | Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy). |
| 10 | Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. |
| 11 | Thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy). |
| 12 | Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. |
| II. Lĩnh vực Thương mại quốc tế | |
| 1 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. |
| 2 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. |
| 3 | Điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. |
| 4 | Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. |
| 5 | Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|--------------------------------|---|
| | Nam. |
| III. Lĩnh vực xây dựng | |
| 1 | Thủ tục cấp giấy phép xây dựng đối với dự án. |
| 2 | Thủ tục cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo. |
| 3 | Thủ tục điều chỉnh Giấy phép xây dựng. |
| 4 | Thủ tục gia hạn Giấy phép xây dựng. |
| 5 | Thủ tục cấp lại Giấy phép xây dựng. |
| IV. Lĩnh vực môi trường | |
| 1 | Kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án. |
| 2 | Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. |
| 3 | Đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản. |
| V. Lĩnh vực lao động | |
| 1 | Đăng ký, đăng ký lại nội quy lao động của doanh nghiệp. |
| 2 | Giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài của người sử dụng lao động. |
| 3 | Giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài của người sử dụng lao động. |
| 4 | Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động. |
| 5 | Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài. |
| 6 | Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài đối với một số trường hợp đặt biệt. |
| 7 | Cấp lại giấy phép lao động. |

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước

1. Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Đối với trường hợp cấp mới: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Đối với trường hợp cấp lại do hết hiệu lực: Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy phép 30 ngày, thương nhân tiếp tục kinh doanh phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Hồ sơ của thương nhân được nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Ban Quản lý có văn bản yêu cầu Thương nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu; Trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả qua bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

+ Bản cam kết do doanh nghiệp tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình.

+ Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: Bản thuyết minh hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống bán buôn.

+ Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu (nếu đã kinh doanh) của các doanh nghiệp đã hoặc sẽ thuộc hệ thống bán buôn sản phẩm rượu (tối thiểu phải có từ 03 thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu trở lên);

+ Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của các doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ địa bàn, loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh).

+ Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc bản sao giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

+ Hồ sơ về phương tiện vận chuyển bao gồm: bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng phương tiện vận chuyển (là sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp với thời gian thuê tối thiểu là 01 năm); tối thiểu phải có quyền sử dụng 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên; đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian vận chuyển.

+ Hồ sơ về năng lực tài chính: có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống bán buôn của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng có số dư tài khoản tối thiểu 300 triệu đồng).

+ Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ, 01 bộ gửi Ban Quản lý, 01 bộ lưu tại doanh nghiệp.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân trong khu chế xuất, khu công nghiệp

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/trường hợp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (Phụ lục 29 - Thông tư 60/2014/TT-BCT);

- Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (Phụ lục 30 - Thông tư 60/2014/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Có hệ thống bán buôn sản phẩm rượu trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 03 thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu trở lên);

- Trực thuộc hệ thống kinh doanh của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu;

- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu tổng diện tích phải từ 50 m² trở lên hoặc khối tích phải từ 150 m³ trở lên) đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

- Có phương tiện vận tải thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu phải có 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở

lên); đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian vận chuyển;

- Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng tối thiểu 300 triệu Việt Nam đồng trở lên);

- Có bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định 94/2012/NĐ-CP.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2015;

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/7/2016;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

- Văn bản số 9648/BCT-KH ngày 30/9/2014 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn cấp một số loại Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Nghị định số 164/2013/NĐ-CP.

Phụ lục 29: Ban hành theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN BUÔN SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP.HCM.

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP.HCM xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu, cụ thể:

1. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽¹⁾.... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:⁽²⁾.....

Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽¹⁾.... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:⁽²⁾.....

b) Được phép tổ chức hệ thống bán buôn sản phẩm rượu tại các KCX&CN TP. HCM.

2. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:⁽³⁾.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽²⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối rượu.

⁽³⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

Phụ lục 30: Ban hành theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày... tháng... năm ...

GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN BUÔN SẢN PHẨM RƯỢU

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Căn cứ Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm rượu số.....ngày ... tháng năm của.....(1)

Theo đề nghị của(2).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép..... (1).....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....

1. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(3).... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:..... (4).....

Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(3).... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:..... (4).....

b) Được phép tổ chức hệ thống bán buôn sản phẩm rượu tại các KCX&CN TP. HCM.

2. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

..... (5).....

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

.....(1)phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

TRƯỞNG BAN

(ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- (1);
-(4);
- Lưu: VT,(2,6).

Chú thích:

- (1): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- (2): Tên Phòng chức năng trình thẩm định cấp Giấy phép
- (3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (4): Ghi rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu.
- (5): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.
- (6): Tên các tổ chức có liên quan.

2. Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trường hợp có thay đổi các nội dung Giấy phép kinh doanh phân phối, bán buôn sản phẩm rượu; Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu Thương nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu; Trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả qua bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ, 01 bộ gửi Ban Quản lý, 01 bộ lưu tại doanh nghiệp.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân trong khu chế xuất, khu công nghiệp.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ ...) (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/trường hợp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (Phụ lục 33 - Thông tư 60/2014/TT-BCT);

- Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ ...) (Phụ lục 36 - Thông tư 60/2014/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Có hệ thống bán buôn sản phẩm rượu trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 03 thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu trở lên);

- Trực thuộc hệ thống kinh doanh của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu;

- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu tổng diện tích phải từ 50 m² trở lên hoặc khối tích phải từ 150 m³ trở lên) đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

- Có phương tiện vận tải thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy

mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu phải có 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên); đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian vận chuyển;

- Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng tối thiểu 300 triệu Việt Nam đồng trở lên);

- Có bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định 94/2012/NĐ-CP.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2015;

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/7/2016;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

- Văn bản số 9648/BCT-KH ngày 30/9/2014 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn cấp một số loại Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Nghị định số 164/2013/NĐ-CP.

Phụ lục 33: Ban hành theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP.HCM

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽¹⁾.....sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽²⁾.....cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾.....sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm..... do.....⁽²⁾.....cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị Ban Quản lý xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽¹⁾.....sản phẩm rượu, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung đề doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức.....⁽¹⁾..... sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:.....⁽³⁾..... của.....⁽⁴⁾..... sản phẩm rượu có tên sau:.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức.....⁽¹⁾..... sản phẩm rượu tại.....⁽⁶⁾.....

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:.....⁽³⁾..... của.....⁽⁴⁾..... sản phẩm rượu có tên sau:.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức.....⁽¹⁾..... sản phẩm rượu tại.....⁽⁶⁾.....

3. Sửa đổi, bổ sung địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

b) Đề nghị bổ sung:

.....⁽⁷⁾.....

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.
- (2) Ghi rõ tên cơ quan đã cấp phép.
- (3) Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (4) Ghi rõ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu khác hoặc doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm rượu trực tiếp từ thương nhân nước ngoài hoặc của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.
- (5) Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.
- (6) Ghi rõ tên KCX - KCN Thành phố.
- (7) Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép bổ sung để bán lẻ sản phẩm rượu.

Phụ lục 36: Ban hành theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày...tháng...năm ...

GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN BUÔN SẢN PHẨM RƯỢU
(Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ.....)

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Căn cứ Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu số.....(1).....ngày tháng nămdo(2)..... cấp cho(3).....;

Căn cứ Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (cấp sửa đổi, bổ sung lần) số...(1)...ngày ... tháng nămdo(2)... cấp cho(3) (nếu đã có);

Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu số.....ngày ... tháng năm của.....(3).....;

Theo đề nghị của(4).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu số...(1)...như sau:

..... (5).....

Điều 2. Các nội dung khác quy định khác tại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu số (1)..... không thay đổi.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện.....(3)..... phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh

doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TRƯỞNG BAN

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- (3);
-(1)
-(6);
- Lưu: VT,(4,6).

Chú thích:

- (1): Ghi rõ Số Giấy phép đã được cấp.
- (2): Tên, cơ quan đã cấp Giấy phép.
- (3): Tên thương nhân.
- (4): Tên Phòng chức năng thẩm định trình cấp Giấy phép.
- (5): Nội dung sửa đổi, bổ sung.
- (6): Tên các tổ chức có liên quan.

3. Thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy, thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu Thương nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn rượu; Trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả qua bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn rượu (theo mẫu);

+ Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh bán buôn rượu (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ, 01 bộ gửi Ban Quản lý, 01 bộ lưu tại doanh nghiệp.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân trong khu chế xuất, khu công nghiệp.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (Cấp lại lần thứ ...) hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn rượu (Phụ lục 34 - Thông tư 60/2014/TT-BCT);

- Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (Cấp lại lần thứ ...) (Phụ lục 39 - Thông tư 60/2014/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2015;

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/7/2016;

- Văn bản số 9648/BCT-KH ngày 30/9/2014 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn cấp một số loại Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Nghị định số 164/2013/NĐ-CP.

Phụ lục 34: Ban hành theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP.HCM.

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽¹⁾.....sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do⁽²⁾.....cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽¹⁾.....sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do⁽²⁾.....cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị Ban Quản lý xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh⁽¹⁾.....sản phẩm rượu, với lý do⁽³⁾.....

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

⁽²⁾: Ghi rõ tên cơ quan đã cấp Giấy phép.

⁽³⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

Phụ lục 39: Ban hành theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày...tháng...năm ...

GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN BUÔN SẢN PHẨM RƯỢU
(Cấp lại lần thứ.....)

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu số.....ngày ... tháng năm của.....(1).....;

Theo đề nghị của(2).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép.....(1).....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

1. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(3).... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:.....(4).....

Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(3).... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:.....(4).....

b) Được phép tổ chức hệ thống bán buôn sản phẩm rượu tại các KCX và CN TP. Hồ Chí Minh.

2. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

.....(5).....

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

.....(1).....phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

TRƯỞNG BAN

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- (1);
-(4);
- Lưu: VT,(2,6).

Chú thích:

- (1): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.
- (2): Tên Phòng chức năng thẩm định trình cấp Giấy phép.
- (3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (4): Ghi rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu.
- (5): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.
- (6): Tên các tổ chức có liên quan.

4. Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Đối với Trường hợp cấp mới: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Đối với trường hợp cấp lại do hết hiệu lực: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, thương nhân tiếp tục kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Hồ sơ của thương nhân được nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Ban Quản lý có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu; Trường hợp không cấp Giấy phép, Ban Quản lý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý; hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả thủ tục hành chính tại địa chỉ (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

- + Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu);
- + Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;
- + Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình;
- + Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh);
- + Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc bản sao giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm
- + Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.
- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (một bộ gửi Ban Quản lý, một bộ lưu tại trụ sở thương nhân xin cấp giấy phép).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân trong khu chế xuất, khu công nghiệp

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định hồ sơ: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Phụ lục 31 - Thông tư 60/2014/TT-BCT);

- Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Phụ lục 31 - Thông tư 60/2014/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

- Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố;

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2015;

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/7/2016;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng

hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

- Văn bản số 9648/BCT-KH ngày 30/9/2014 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn cấp một số loại Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Nghị định số 164/2013/NĐ-CP.

Phụ lục 31: Ban hành theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP.HCM.

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày.....tháng.....năm....., thay đổi lần thứ.....ngày.....tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP.HCM xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, cụ thể như sau:

1. Được phép mua:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(1)..... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:.....(2)

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(1)..... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:.....(2)

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại địa điểm:.....(3).....

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.

(3): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

Phụ lục 32: Ban hành theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Số: /GP-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày...tháng...năm ...

GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU
TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu số.....ngày ... tháng năm của..... (1)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép..... (1).....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

1. Được phép mua:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(2)..... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:.....(3)

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(2)..... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:(3)

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại địa điểm:

.....(4)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

.....(1) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

Nơi nhận:

- (1);
-(3);
- Lưu: VT,(5).

(Chức danh, Họ và Tên người ký, chữ ký và có đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- (2): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm rượu.
- (4): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.
- (5): Tên các tổ chức có liên quan.

5. Thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy).

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Ban Quản lý có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu; Trường hợp không cấp Giấy phép, Ban Quản lý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý; hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả thủ tục hành chính tại địa chỉ (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu (theo mẫu);

+ Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (nếu có);

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (một bộ gửi Ban Quản lý, một bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp

lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân trong khu chế xuất, khu công nghiệp.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu (Phụ lục 34 – Thông tư 60/2014/TT-BCT);

+ Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Phụ lục 40 – Thông tư 60/2014/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2015;

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/7/2016;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

- Văn bản số 9648/BCT-KH ngày 30/9/2014 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn cấp một số loại Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Nghị định số 164/2013/NĐ-CP.

Phụ lục 34: Ban hành theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP.HCM.

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾..... sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do⁽¹⁾.... cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾..... sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do⁽¹⁾.... cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị Ban Quản lý xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh⁽²⁾.... sản phẩm rượu, với lý do⁽³⁾..... (ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên cơ quan đã cấp phép.

⁽²⁾: Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

⁽³⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

Phụ lục 40: Ban hành theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP**

Số: /GP-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày...tháng...năm ...

**GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU
(Cấp lại lần thứ.....)**

**TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu số.....ngày ... tháng năm của.....(1)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép.....

(1).....

Địa chỉ trụ sở chính:

.....;

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

.....;

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

.....;

+ Điện thoại:.....

Fax:.....;

3. Được phép mua:

c) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(2). của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:(3)

d) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(2)..... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:.....(3).....

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại địa điểm:.....(4).....

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

..... (1)..... phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

(Chức danh, Họ và Tên người ký,
chữ ký và có đóng dấu)

Nơi nhận:

- (1);
-(3);
- Lưu: VT,(5).

Chú thích:

- (1): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- (2): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm rượu.
- (4): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.
- (5): Tên các tổ chức có liên quan.

6. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Ban Quản lý có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu; Trường hợp không cấp Giấy phép, Ban Quản lý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý; hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả thủ tục hành chính tại địa chỉ (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (một bộ gửi Ban Quản lý, một bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân trong khu chế xuất, khu công nghiệp.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định hồ sơ: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu (Phụ lục 33 - Thông tư 60/2014/TT-BCT);

- Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Phụ lục 37 - Thông tư 60/2014/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

- Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2015;

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/7/2016;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Văn bản số 9648/BCT-KH ngày 30/9/2014 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn cấp một số loại Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Nghị định số 164/2013/NĐ-CP.

Phụ lục 33: Ban hành theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP.HCM

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽¹⁾..... sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽²⁾..... cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽¹⁾.....sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm..... do.....⁽²⁾..... cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị Ban Quản lý xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾..... sản phẩm rượu, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

1. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức.....⁽¹⁾..... sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:.....⁽³⁾..... của.....⁽⁴⁾..... sản phẩm rượu có tên sau:.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức.....⁽¹⁾..... sản phẩm rượu tại.....⁽⁶⁾.....

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:.....⁽³⁾..... của.....⁽⁴⁾..... sản phẩm rượu có tên sau:.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức.....⁽¹⁾..... sản phẩm rượu tại.....⁽⁶⁾.....

3. Sửa đổi, bổ sung địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:....

b) Đề nghị bổ sung:

..... (7) (ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.
- (2): Ghi rõ tên cơ quan đã cấp Giấy phép.
- (3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (4): Ghi rõ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu khác hoặc doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm rượu trực tiếp từ thương nhân nước ngoài hoặc của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.
- (5): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.
- (6): Ghi rõ tên KCX/KCN thành phố.
- (7): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép bổ sung để bán lẻ sản phẩm rượu.

Phụ lục 37: Ban hành theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày...tháng...năm ...

GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU
(Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ.....)

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu số...(1)...ngày ... tháng nămdo(2)..... cấp cho(3).....;

Căn cứ Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (cấp sửa đổi, bổ sung lần) số.....(1)...ngày ... tháng nămdo ..(2)... cấp cho(3).... (nếu đã có);

Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu số.....ngày ... tháng năm của.....(3).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, (bổ sung) Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu số.....như sau:.....(4).....

Điều 2. Các nội dung khác quy định khác tại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu số(1)..... không thay đổi.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện.....(3).....phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12

tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

(Chức danh, Họ và Tên người ký,
chữ ký và có đóng dấu)

Nơi nhận:

- (3);
-(5);
- Lưu: VT.....

Chú thích:

- (1): Ghi rõ số Giấy phép đã được cấp
- (2): Ghi rõ tên cơ quan đã cấp Giấy phép
- (3): Tên thương nhân
- (4): Nội dung sửa đổi, bổ sung
- (5): Tên các tổ chức có liên quan

7. Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Đối với trường hợp cấp mới: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Đối với trường hợp cấp lại do hết hiệu lực: Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy phép 30 ngày, thương nhân tiếp tục kinh doanh phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Hồ sơ của thương nhân được nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Ban Quản lý có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá; Trường hợp không cấp Giấy phép, Ban Quản lý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả qua bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

- + Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (theo mẫu);
- + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;
- + Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các doanh nghiệp phân phối sản phẩm thuốc lá, trong đó ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;
- + Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:
 - Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;
 - Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);
 - Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá;
- + Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 03 năm trước đó, kèm theo bảng kê chi tiết danh sách và bản sao hợp lệ các hợp đồng mua bán với mỗi Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm thuốc lá hoặc doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá khác, các khoản thuế đã nộp;
 - Hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống phân phối.
- + Bảng kê danh sách thương nhân, đính kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn;
- + Hồ sơ về phương tiện vận tải, bao gồm: Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng phương tiện vận tải (là sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp với thời gian thuê tối thiểu là 01 năm);
- + Hồ sơ về năng lực tài chính: Giấy xác nhận của ngân hàng;
- + Hồ sơ về kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng), bao gồm:
 - Tài liệu chứng minh quyền sử dụng kho (là sở hữu, đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);

• Bản tự cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật đối với kho hàng (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ, trong đó 01 bộ gửi Ban Quản lý, 01 bộ thương nhân lưu.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân trong khu chế xuất, khu công nghiệp.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định hồ sơ: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 21 - Thông tư 21/2013/TT-BCT);

- Bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường (Phụ lục 25 - Thông tư 21/2013/TT-BCT);

- Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 22 - Thông tư 21/2013/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên);

- Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá;

- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu tổng diện tích phải từ 50 m² trở lên) đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian lưu kho;

- Có phương tiện vận tải thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu phải có 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên); đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian vận chuyển;

- Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống bán buôn của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng tối thiểu 01 tỷ Việt Nam đồng trở lên);

- Có bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2013;

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2013;

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ

quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2013;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

- Văn bản số 9648/BCT-KH ngày 30/9/2014 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn cấp một số loại Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Nghị định số 164/2013/NĐ-CP.

Phụ lục 21: Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên thương nhân:.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại:..... Fax:.....;
 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
- Đề nghị Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh xem xét cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, cụ thể:
6. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:
 - Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:(1)
 - Để tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh.
 7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....(2)
(tên thương nhân)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá; các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Phụ lục 25: Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢN CAM KẾT
VỀ BẢO ĐẢM TUÂN THỦ ĐẦY ĐỦ CÁC YÊU CẦU ĐIỀU KIỆN
VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên thương nhân :
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại:..... Fax:.....;
 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
 6. Kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
-(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam kết bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường đối với kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng) nêu trên./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 22: Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BQL

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY PHÉP
BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng năm của.....(1);

Theo đề nghị của(2),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

1. Cho phép.....(1)
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:.....Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứngàytháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:
 - Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(3).....

- Đề tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh.

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(4).....

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

.....(1) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

Nơi nhận:

- (1);
-(5);
- Lưu: VT,(2).

TRƯỞNG BAN

(Ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.

(2): Tên Phòng chức năng thẩm định trình cấp phép

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá; các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(5): Tên các tổ chức có liên quan

8. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá; Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá; Trường hợp không cấp Giấy phép, Ban Quản lý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả qua bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân trong khu chế xuất,

khu công nghiệp.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định hồ sơ: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 48 - Thông tư 21/2013/TT-BCT).

- Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 49 - Thông tư 21/2013/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2013;

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2013;

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2013;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng

hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

- Văn bản số 9648/BCT-KH ngày 30/9/2014 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn cấp một số loại Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Nghị định số 164/2013/NĐ-CP.

Phụ lục 48: Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
- Tên:;
- Địa chỉ:;
- Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được(1)..... cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....
7. Đã được(1)..... cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có)(2).....(ghi rõ tên thương nhân)... kính đề nghị Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):
8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)
Thông tin cũ:.....
Thông tin mới:.....
9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:
Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:
.....(3).....
- Đề tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh.
10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:
 - a) Đề nghị sửa đổi:
Thông tin cũ:.....
Thông tin mới:.....(4).....
 - b) Đề nghị bổ sung:

.....(5).....
.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (5): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

Phụ lục 49: Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BQL

....., ngày...tháng...năm 20...

GIẤY PHÉP
BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ.....)

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số...(1)...ngày ... tháng nămdo(2)..... cấp cho..... (3).....;

Căn cứ Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ) số...(1)...ngày ... tháng nămdo(2)..... cấp cho..... (3)..... (nếu đã có);

Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng năm của.....(3).....;

Theo đề nghị của(4).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số...(1)...như sau
.....(5).....

Điều 2. Các nội dung khác quy định khác tại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá số(1)..... không thay đổi

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

.....(3)..... phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-(3);
-(6);
-(7);
- Lưu: VT,(4).

TRƯỞNG BAN
(Ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ số Giấy phép đã được cấp
- (2): Tên cơ quan cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (3): Tên thương nhân
- (4): Tên Phòng chức năng thẩm định trình cấp Giấy phép.
- (5): Nội dung sửa đổi, bổ sung.
- (6): UBND TP. Hồ Chí Minh.
- (7): Tên các tổ chức có liên quan.

9. Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá; Trường hợp không cấp Giấy phép, Ban Quản lý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả qua bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có);

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân trong khu chế xuất, khu công nghiệp

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 54 - Thông tư 21/2013/TT-BCT);

- Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 55 - Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2013;

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2013;

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2013;

- Văn bản số 9648/BCT-KH ngày 30/9/2014 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn cấp một số loại Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Nghị định số 164/2013/NĐ-CP.

Phụ lục 54: Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày..... tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
- Tên:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được(1).....cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được(1)..... cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
8. ...(ghi rõ tên thương nhân)... kính đề nghị Ban Quản lý xem xét cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, với lý do(2).....
.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên cơ quan đã cấp Giấy phép
(2): Ghi rõ lý do xin cấp lại

Phụ lục 55: Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BQL , ngày..... tháng..... năm 20.....

GIẤY PHÉP
BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Cấp lại lần thứ)

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Xét Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng năm của.....(1);

Theo đề nghị của(2),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

1. Cho phép.....(1)
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do.....cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên:;
- Địa chỉ:;
- Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:

Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(3).....

Để tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh.

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(4).....

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

.....(1) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép(5).....

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

Nơi nhận:

- (1);
-(3);
- Lưu: VT, ... (2).

TRƯỞNG BAN
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- (2): Tên Phòng chức năng thẩm định trình cấp Giấy phép.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá; các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá khác (nếu có)
- (4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (5): Thời hạn của Giấy phép là thời hạn đã được ghi trong Giấy phép đã được cấp lần đầu.

10. Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Đối với Trường hợp cấp mới: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Đối với trường hợp cấp lại do hết hiệu lực: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, thương nhân tiếp tục kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Hồ sơ của thương nhân được nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Ban Quản lý có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Trường hợp không cấp Giấy phép, Ban Quản lý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý; hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả thủ tục hành chính tại địa chỉ (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

+ Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

+ Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:

* Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;

* Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);

* Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (một bộ gửi Ban Quản lý, một bộ lưu tại trụ sở thương nhân xin cấp giấy phép)

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân trong khu chế xuất, khu công nghiệp

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá hoặc văn bản từ chối cấp phép nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định hồ sơ: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 23 - Thông tư 21/2013/TT-BCT);

- Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 24 - Thông tư 21/2013/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;
- Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;
- Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2013;
- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;
- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2013;
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2013;
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.
- Văn bản số 9648/BCT-KH ngày 30/9/2014 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn cấp một số loại Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Nghị định số 164/2013/NĐ-CP.

Phụ lục 23: Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên thương nhân:.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại:..... Fax:.....
 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....
- Đề nghị Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:
6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:(1).....
 7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:
 -(2).....

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (2): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Phụ lục 24: Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Số: /GP-BQL

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY PHÉP
BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

**TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng năm của.....(1);

Theo đề nghị của Phòng(2).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

1. Cho phép.....(1).....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp đăng ký lần đầu ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày.....tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(3).....

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(4).....

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

.....(1)..... phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

TRƯỞNG BAN
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- (1);
-(3);
- Lưu: VT,

Chú thích:

- (1): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- (2): Tên Phòng chức năng thẩm định trình cấp Giấy phép.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

11. Thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy).**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Trường hợp không cấp Giấy phép, Ban Quản lý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý; hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả thủ tục hành chính tại địa chỉ (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân trong khu chế xuất, khu công nghiệp.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 56 - Thông tư số 21/2013/TT-BCT);

- Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 56 - Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2013;

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2013;

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2013;

- Văn bản số 9648/BCT-KH ngày 30/9/2014 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn cấp một số loại Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Nghị định số 164/2013/NĐ-CP.

Phụ lục 57: Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BQL

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY PHÉP
BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Cấp lại lần thứ.....)

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Xét Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng năm của.....(1).....;

Theo đề nghị của Phòng(2).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

1. Cho phép.....(1).....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp đăng ký lần đầu ngày.....tháng.....năm.....đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày..... tháng.....năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
+ Tên:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(3).....

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(4).....

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....(1)..... phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép(5).....

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

TRƯỞNG BAN
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- (1);
-(3);
- Lưu: VT,.....

Chú thích:

- (1): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- (2): Tên Phòng chức năng thẩm định trình cấp phép.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (5): Thời hạn của Giấy phép là thời hạn đã được ghi trong Giấy phép đã được cấp lần đầu.

12. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Trường hợp không cấp Giấy phép, Ban Quản lý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý; hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả thủ tục hành chính tại địa chỉ (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân trong khu chế xuất, khu công nghiệp.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá hoặc văn bản từ chối cấp phép nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định hồ sơ: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 50 - Thông tư 21/2013/TT-BCT);

- Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 51 - Thông tư 21/2013/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;

- Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

- Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2013;

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh

doanh thuốc lá, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2013;

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2013;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

- Văn bản số 9648/BCT-KH ngày 30/9/2014 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn cấp một số loại Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Nghị định số 164/2013/NĐ-CP.

Phụ lục 50: Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)... số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày..... tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 + Tên:;
 + Địa chỉ:;
 + Điện thoại:..... Fax:.....;
- Đã được.....(1)..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số..... ngày..... tháng..... năm.....
- Đã được... (1)..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày tháng năm(nếu đã có)
(2).....
- ...(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):
1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)
 Thông tin cũ:.....
 Thông tin mới:.....
2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:
 - Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:
(3).....

- Đề tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm(4).....

3. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

- Thông tin cũ:.....

- Thông tin mới:.....(4).....

b) Đề nghị bổ sung:.....(5).....

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan cấp phép

(2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

Phụ lục 51: Ban hành theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BQL

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY PHÉP
BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ.....)

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số...(1)...ngày ... tháng nămdo (2)..... cấp cho(3);

Căn cứ Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (cấp sửa đổi, bổ sung lần) số...(1)...ngày ... tháng nămdo ..(2)... cấp cho(3) (nếu đã có);

Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng năm của.....(3);

Theo đề nghị của Phòng(4).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....(1).....như sau(5).....

Điều 2. Các nội dung khác quy định khác tại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số(1)..... không thay đổi

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

.....(3)..... phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TRƯỞNG BAN
(ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- (1);
-(6);
- Lưu: VT,

Chú thích:

- (1): Số giấy phép đã được cấp.
- (2): Tên cơ quan cấp sửa đổi, bổ sung.
- (3): Tên thương nhân.
- (4): Tên Phòng chức năng thẩm định trình cấp Giấy phép.
- (5): Nội dung sửa đổi bổ sung.
- (6): Tên các tổ chức có liên quan.

II. Lĩnh vực Thương mại quốc tế

1. Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân nước ngoài chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và cấp Biên nhận.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, Ban Quản lý có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ban Quản lý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, hoặc việc thành lập văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành; Ban Quản lý gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan cấp phép, Bộ quản lý chuyên ngành có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cấp phép thành lập Văn phòng đại diện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành, Ban Quản lý cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nước ngoài căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài (phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam);

+ Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/ bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện;

+ Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

+ Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện;

+ Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm:

Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện.

Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện (theo quy định tại điều 28 của Nghị định 07/2016/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan);

Lưu ý: Đối với các tài liệu, thành phần hồ sơ là tiếng nước ngoài: Đề nghị thương nhân dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp gửi lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành: 05 ngày làm việc

kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân nước ngoài dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện trong khu công nghiệp, khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí: 3.000.000 đồng/ 01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh (Mẫu MĐ-1 - Thông tư số 11/2016/TT-BCT);

- Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (mẫu GP-1 - Thông tư số 11/2016/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân nước ngoài được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc được pháp luật các quốc gia, vùng lãnh thổ này công nhận.

- Thương nhân nước ngoài đã hoạt động ít nhất 01 năm, kể từ ngày được thành lập hoặc đăng ký;

- Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ;

- Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phải phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

- Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không phụ thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập Văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu

công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 10/3/2016.

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2016.

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính Quy định Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Mẫu MĐ-1: Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện ban hành theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi: Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Tên thương nhân:(tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).....
 Tên thương nhân bằng tiếng Anh:(ghi bằng chữ in hoa)
 Tên thương nhân viết tắt
 Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:
 Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:.....
 Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)
 Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:
 Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:
 Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

Văn phòng đại diện số 1:

Tên Văn phòng đại diện:
 Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:
 Mã số thuế:
 Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)
 Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện số ...:.....(khai báo tương tự như trên)

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

Văn phòng đại diện số ...:

Tên Văn phòng đại diện:
 Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:
 Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:
 Thời điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động:

Văn phòng đại diện số ...:.....(khai báo tương tự như trên)

Đề nghị cấp (cấp lại)¹ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số ...² như sau:

Tên Văn phòng đại diện:
 Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)
 -.....
 -.....

Thời hạn của Giấy phép thành lập:

Người đứng đầu Văn phòng đại diện³:
 Họ và tên:..... Giới tính:

Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp .../.../.... Nơi cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
 Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹ Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

² Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

³ Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân.

Mẫu GP-1: Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam ban hành theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày...tháng...năm...

**GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Số:.....

Cấp lần đầu: ngày ...tháng ... năm...

Điều chỉnh lần thứ:..., ngày ...tháng ...năm...

Gia hạn lần thứ:..., ngày ...tháng ...năm...

Cấp lại lần thứ:..., ngày ...tháng ...năm...

(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số..., ngày ...tháng ...năm...)

**TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Xét Đơn đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép: (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh).....

- Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../...

Cơ quan cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:được thành lập Văn phòng đại diện tại (ghi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)

Điều 2. Tên Văn phòng đại diện

- Tên Văn phòng đại diện: (ghi bằng chữ in hoa, đậm tên Văn phòng đại diện trong Đơn đề nghị)

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa tên giao dịch bằng tiếng Anh trong Đơn đề nghị).....

- Tên viết tắt: (nếu có)

Điều 3. Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện..... (ghi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo Đơn đề nghị)

Điều 4. Người đứng đầu Văn phòng đại diện⁹

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa) Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp:../.../.... Nơi cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

Điều 5. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện (ghi cụ thể trên cơ sở đề nghị của thương nhân nước ngoài, phù hợp Luật Thương mại và quy định tại Nghị định số 07/2016/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan).

1.

2.

Điều 6. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm... đến hết ngày... tháng...năm...

Điều 7. Giấy phép này được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho: ...; 01 (một) bản lưu tại Ban quản lý... ./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Ký, đóng dấu)

⁹ Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ ghi họ và tên, số định danh cá nhân.

2. Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân nước ngoài thực hiện việc cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong các trường hợp sau:

+ Chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban Quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban Quản lý khác. Trong trường hợp này, Thương nhân nước ngoài thực hiện thủ tục cấp lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện tại nơi chuyển đi.

- Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức.

- Bước 2: Thương nhân nước ngoài chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và cấp Biên nhận.

- Bước 4: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, Ban Quản lý có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Ban Quản lý trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 5: Thương nhân nước ngoài căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện với cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện tại nơi chuyển đi. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (theo mẫu);
- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi;
- Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp;
- Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện nơi chuyển đến.

+ Trường hợp bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (theo mẫu);

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân nước ngoài có trụ sở văn phòng đại diện trong khu công nghiệp, khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí: 1.500.000 đồng/ 01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp/ cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (theo mẫu MĐ-1, Thông tư số 11/2016/TT-BCT);

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (theo mẫu MĐ-2, Thông tư số 11/2016/TT-BCT).

- Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (mẫu GP-1 - Thông tư số 11/2016/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 10/3/2016.

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2016.

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính Quy định Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Mẫu MD-1: Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện ban hành theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi: Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).....
 Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....
 Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:.....
 Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

Văn phòng đại diện số 1:
 Tên Văn phòng đại diện:

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:

Mã số thuế:

Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện số ...:.....(khai báo tương tự như trên)

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

Văn phòng đại diện số ...:
 Tên Văn phòng đại diện:

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Thời điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động:

Văn phòng đại diện số ...:.....(khai báo tương tự như trên)

Đề nghị cấp (cấp lại)¹ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số ...² như sau:

Tên Văn phòng đại diện:

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)

-.....

-.....

Thời hạn của Giấy phép thành lập:

Người đứng đầu Văn phòng đại diện³:

Họ và tên:..... Giới tính:

Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp .../.../.... Nơi cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹ Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

² Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

³ Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân.

Mẫu MĐ-2: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện ban hành theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi: Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị cấp lại⁴ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập).....

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../.....

⁵Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Mã số thuế:

Lý do cấp lại:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁴ Áp dụng cho trường hợp cấp lại theo khoản 2 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP.

Mẫu GP-1: Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam ban hành theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày...tháng...năm...

**GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Số:.....

Cấp lần đầu: ngày ...tháng ... năm...

Điều chỉnh lần thứ:..., ngày ...tháng ...năm...

Gia hạn lần thứ:..., ngày ...tháng ...năm...

Cấp lại lần thứ:..., ngày ...tháng ...năm...

(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số..., ngày ...tháng ...năm...)

**TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Xét Đơn đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép: (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh).....

- Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../...

Cơ quan cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:được thành lập Văn phòng đại diện tại (ghi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)

Điều 2. Tên Văn phòng đại diện

- Tên Văn phòng đại diện: (ghi bằng chữ in hoa, đậm tên Văn phòng đại diện trong Đơn đề nghị)

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa tên giao dịch bằng tiếng Anh trong Đơn đề nghị).....

- Tên viết tắt: (nếu có)

Điều 3. Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện..... (ghi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo Đơn đề nghị)

Điều 4. Người đứng đầu Văn phòng đại diện⁹

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa) Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

Điều 5. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện (ghi cụ thể trên cơ sở đề nghị của thương nhân nước ngoài, phù hợp Luật Thương mại và quy định tại Nghị định số 07/2016/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan).

1.

2.

Điều 6. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm... đến hết ngày... tháng... năm...

Điều 7. Giấy phép này được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho: ...; 01 (một) bản lưu tại Ban quản lý... ./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Ký, đóng dấu)

⁹ Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ ghi họ và tên, số định danh cá nhân.

3. Thủ tục điều chỉnh giấy phép Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi về các nội dung của Giấy phép dưới đây, Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 phút).

Các trường hợp cần điều chỉnh giấy phép:

- + Thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài;
- + Thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài có liên quan trực tiếp đến nội dung hoạt động của Chi nhánh tại Việt Nam;
- + Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện;
- + Thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện, Chi nhánh;
- + Thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh;
- + Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban Quản lý.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và cấp Biên nhận.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, Ban Quản lý có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không điều chỉnh Giấy phép, Ban Quản lý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không điều chỉnh.

Trường hợp điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, hoặc việc thành

lập văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành; Ban Quản lý gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan cấp phép, Bộ quản lý chuyên ngành có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cấp phép thành lập Văn phòng đại diện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành, Ban Quản lý cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nước ngoài căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (theo mẫu);

+ Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi, cụ thể:

- Trường hợp thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài (Giấy tờ này phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam).

- Trường hợp thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài có liên quan trực tiếp đến nội dung hoạt động của Chi nhánh tại Việt Nam: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài (Giấy tờ này phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam).

- Trường hợp thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện: Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/ bổ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; Giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng

đại diện đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi.

- Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật

+ Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

Lưu ý: Đối với các tài liệu, thành phần hồ sơ là tiếng nước ngoài; Đề nghị thương nhân dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp gửi lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân nước ngoài có trụ sở văn phòng đại diện trong khu công nghiệp, khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí: 1.500.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-3, Thông tư số 11/2016/TT-BCT);

- Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (mẫu GP-1 - Thông tư số 11/2016/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ

ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 10/3/2016.

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2016.

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính Quy định Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Mẫu MD-3: Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện ban hành theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi: Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên thương nhân: ...(tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh:(ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt:.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện:(tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: Ngày cấp .../.../.....

⁶Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:(nếu có).....

Mã số thuế:

Nội dung điều chỉnh:

Lý do điều chỉnh:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁶ Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

Mẫu GP-1: Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam ban hành theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ...tháng...năm...

GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Số:.....

Cấp lần đầu: ngày ...tháng ... năm...

Điều chỉnh lần thứ:..., ngày ...tháng ...năm...

Gia hạn lần thứ:..., ngày ...tháng ...năm...

Cấp lại lần thứ:..., ngày ...tháng ...năm...

(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số..., ngày ...tháng ...năm...)

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Xét Đơn đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép: (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh).....

- Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../...

Cơ quan cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:được thành lập Văn phòng đại diện tại (ghi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)

Điều 2. Tên Văn phòng đại diện

- Tên Văn phòng đại diện: (ghi bằng chữ in hoa, đậm tên Văn phòng đại diện trong Đơn đề nghị)

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa tên giao dịch bằng tiếng Anh trong Đơn đề nghị).....

- Tên viết tắt: (nếu có)

Điều 3. Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện..... (ghi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo Đơn đề nghị)

Điều 4. Người đứng đầu Văn phòng đại diện⁹

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa) Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp:.../.../.... Nơi cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

Điều 5. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện (ghi cụ thể trên cơ sở đề nghị của thương nhân nước ngoài, phù hợp Luật Thương mại và quy định tại Nghị định số 07/2016/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan).

1.

2.

Điều 6. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm... đến hết ngày... tháng... năm...

Điều 7. Giấy phép này được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho: ...; 01 (một) bản lưu tại Ban quản lý... ./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Ký, đóng dấu)

⁹ Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ ghi họ và tên, số định danh cá nhân.

4. Thủ tục gia hạn giấy phép Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong thời hạn ít nhất 30 ngày trước khi Giấy phép hết hạn, thương nhân nước ngoài tiếp tục hoạt động phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và cấp Biên nhận.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, Ban Quản lý có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét và gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không gia hạn Giấy phép, Ban Quản lý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không gia hạn.

- Bước 4: Thương nhân nước ngoài căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài (phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam);

+ Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành

lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

+ Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

Lưu ý: Đối với các tài liệu, thành phần hồ sơ là tiếng nước ngoài: Đề nghị thương nhân dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam, phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân nước ngoài có trụ sở Văn phòng đại diện trong khu công nghiệp, khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí: 1.500.000 đồng/ 01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh (theo mẫu MĐ-4, Thông tư số 11/2016/TT-BCT);

- Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (mẫu GP-1 - Thông tư số 11/2016/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết

Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 10/3/2016.

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi Tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2016.

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính Quy định Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Mẫu MD-4: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện ban hành theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi: Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

Tên thương nhân:(tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)
 Tên thương nhân bằng tiếng Anh:(ghi bằng chữ in hoa).....
 Tên thương nhân viết tắt
 Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Mã số doanh nghiệp: Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....
 Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh:
 Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....
Đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:
 Tên Văn phòng đại diện:(tên trên Giấy phép thành lập)
 Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: Ngày cấp: .../.../.....
⁷Thứ tự của Văn phòng đại diện:
 Mã số thuế:
 Số lao động làm việc tại Văn phòng đại diện tại thời điểm gia hạn:... người; trong đó:
 - Số lao động nước ngoài:... người;
 - Số lao động Việt Nam: ... người.
 Thời hạn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập:.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁷ Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

Mẫu GP-1: Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam ban hành theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày...tháng...năm...

GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Số:.....

Cấp lần đầu: ngày ...tháng ... năm...

Điều chỉnh lần thứ:..., ngày ...tháng ...năm...

Gia hạn lần thứ:..., ngày ...tháng ...năm...

Cấp lại lần thứ:..., ngày ...tháng ...năm...

(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số..., ngày ...tháng ...năm...)

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Xét Đơn đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép: (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh).....

- Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../...

Cơ quan cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:được thành lập Văn phòng đại diện tại (ghi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)

Điều 2. Tên Văn phòng đại diện

- Tên Văn phòng đại diện: (ghi bằng chữ in hoa, đậm tên Văn phòng đại diện trong Đơn đề nghị)

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa tên giao dịch bằng tiếng Anh trong Đơn đề nghị).....

- Tên viết tắt: (nếu có)

Điều 3. Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện..... (ghi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo Đơn đề nghị)

Điều 4. Người đứng đầu Văn phòng đại diện⁹

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa) Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

Điều 5. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện (ghi cụ thể trên cơ sở đề nghị của thương nhân nước ngoài, phù hợp Luật Thương mại và quy định tại Nghị định số 07/2016/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan).

1.

2.

Điều 6. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm... đến hết ngày... tháng... năm...

Điều 7. Giấy phép này được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho: ...; 01 (một) bản lưu tại Ban quản lý... ./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Ký, đóng dấu)

⁹ Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ ghi họ và tên, số định danh cá nhân.

5. Thủ tục chấm dứt hoạt động giấy phép Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân nước ngoài chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện thuộc một trong các trường hợp dưới đây chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý), số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 phút).

Trường hợp chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài:

+ Theo đề nghị của thương nhân nước ngoài.

+ Khi thương nhân nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi thương nhân đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh.

+ Hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà thương nhân nước ngoài không đề nghị gia hạn.

+ Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được Cơ quan cấp Giấy phép đồng ý gia hạn.

+ Bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 44 Nghị định 07/2016/NĐ-CP.

+ Thương nhân nước ngoài, Văn phòng đại diện không còn đáp ứng một trong những điều kiện quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định 07/2016/NĐ-CP.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và cấp Biên nhận.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, Ban Quản lý có văn bản yêu cầu thương nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện (theo mẫu, trừ trường hợp bị thu hồi Giấy phép Văn phòng đại diện);

+ Bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (đối với Trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện);

+ Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;

+ Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;

+ Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện;

Trường hợp Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động tại một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban Quản lý để chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban Quản lý khác, Hồ sơ chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện bao gồm:

+ Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện (theo mẫu);

+ Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân nước ngoài có trụ sở văn phòng đại diện trong khu công nghiệp, khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Công bố trên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý về chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam (Mẫu TB, Thông tư số 11/2016/TT-BCT).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân nước ngoài

và người đứng đầu Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện. Đồng thời phải niêm yết công khai về việc chấm dứt hoạt động tại trụ sở của Văn phòng đại diện và chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại Văn phòng đại diện, và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014;

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 10/3/2016.

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2016.

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính Quy định Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Mẫu TB: Thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.../Chi nhánh ... tại Việt Nam ban hành theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN.../CHI NHÁNH ... TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

Tên thương nhân: ...(ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh).....

Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh trong Giấy phép thành lập):

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh số.....Ngày cấp: ... /.../.....

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh theo Giấy phép thành lập)

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Thời hạn hoạt động: từ ngày.... tháng... năm.... đến ngày... tháng... năm.....

¹¹Thông báo việc thanh toán (hoặc chưa thanh toán) các khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.../Chi nhánh...:

1. Thuế:

2. Bảo hiểm xã hội:.....

3. Các khoản khác:.....

4. Các nghĩa vụ khác (nếu có):

Đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện.../Chi nhánh tại Việt Nam: Từ ngày...tháng...năm...

Lý do chấm dứt hoạt động:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹¹ Trong trường hợp chấm dứt hoạt động do chuyển địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, không phải kê khai nội dung này.

(Xem tiếp Công báo số 77+78)